

Bản án số: 198/2023/DSST

Ngày: 18/9/2023

V/v: Tranh chấp đòi tài sản (đòi nợ tiền)

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BA ĐÌNH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Ngô Thị Vân.**

Hội thẩm nhân dân: **Bà Nguyễn Thị Thụy**

Ông Nguyễn Hà.

Thư ký Tòa án: **Bà Nguyễn Thị Vân Anh.**

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: **Bà Bùi Mai Phương** - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Tòa án nhân dân quận Ba Đình tiến hành xét xử công khai vụ án hành chính sơ thẩm đã thụ lý số 138/2023/TLST-DS ngày 04 tháng 7 năm 2023 về việc tranh chấp đòi tài sản (đòi nợ tiền). Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 345/QĐXXST-DS ngày 31/8/2023. Vụ án xét xử giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Phạm Anh T; sinh năm 1971;

ĐKHKT: Tổ 22, phường P, quận Đ, thành phố H; Nơi ở: Số 12A, Dãy Đ, phường B, quận H, thành phố H. (Vắng mặt)

Đại diện theo ủy quyền: Đinh Thị Thu P, sinh năm: 1979 (Có mặt)

Bị đơn: Chị Đỗ Lan A; sinh năm 1988;

ĐKHKT: Tổ 33, cụm 1, phường Q, quận T, thành phố H; Nơi ở: Phòng 1503, Tòa chung cư H, số 44 Y, phường T, quận B, thành phố H. (Vắng mặt)

Đại diện theo ủy quyền: Anh Trần A, sinh năm: 2000 (Theo giấy ủy quyền ngày 19/6/2023 vào sổ công chứng 4013 Quyền số 01 SCT/BS tại Văn phòng Công chứng P) (Có mặt);

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn : Luật sư Nguyễn Thế T là luật sư thuộc Công ty Luật hợp danh T, Đoàn Luật sư thành phố H. (Có mặt).

TÓM TẮT NỘI DUNG VỤ ÁN

- Trong đơn khởi kiện ngày 19/6/2023 và tại bản tự khai ngày 13/7/2023 nguyên đơn anh Phạm Anh T trình bày:

Thông qua bạn anh Phạm Anh T là Phạm Gia K anh mới biết chị Đỗ Lan A, sinh năm 1988, hộ khẩu: Tổ 33, cụm 1, phường Q, quận T, thành phố H; hiện ở: Phòng 1503, Tòa chung cư H, số 44 Y, phường T, quận B, thành phố H. Qua tiếp xúc chị Lan A tự giới thiệu đang làm nhân viên tài chính của Tập đoàn Đ. Chị Lan A kể là đang làm dự án Bất động sản và cần gấp một số tiền để thực hiện dự án. Chị Lan A hỏi vay anh 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng) và vay nóng trong khoảng 1 tuần sẽ hoàn trả, do tin tưởng chị Lan A nên ngày 21/6/2022 anh T đã chuyển 2 lần vào tài khoản số 05091988001 tại Ngân hàng T cho chị Lan A vay với số tiền lần 1 là 490.000.000 đồng, lần 2 là 310.000.000 đồng, tổng cộng là 800.000.000 đồng, thời hạn vay thỏa thuận miệng là một tuần và không tính lãi, sau 2 tuần không thấy chị Lan A trả tiền, anh T đã gọi điện đòi tiền, nhiều lần đến ngày 06/7/2022, chị Lan A đã chuyển khoản trả nợ cho anh số tiền là 200.000.000 đồng và viết giấy biên nhận còn nợ anh 600.000.000 đồng với hẹn trả nốt vào ngày 25/02/2023. Nhưng đến nay, chị Lan A không trả cho anh, anh gọi điện nhưng chị Lan A không nghe máy chỉ thấy toàn trả lời khất lãn không trả. Anh tự tìm kiếm thì được biết ở Tập đoàn Đ không có ai là Đỗ Lan A là nhân viên tài chính. Qua sự việc, anh thấy chị Lan A đã lợi dụng lòng tin của

mình để anh cho vay tiền sau nhiều lần đòi chị Lan A mới trả được một ít tiền rồi trốn tránh không trả anh số tiền còn lại.

- Tại bản tự khai ngày 17/8/2023 và quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền của bị đơn chị Đỗ Lan A là anh Trần A trình bày:

Ngày 21/6/2022, chị Lan A có vay của anh Phạm Anh T số tiền 800.000.000 đồng dưới hình thức chuyển khoản làm 02 lần vào tài khoản số: 05091988001 – Ngân hàng T, cụ thể:

- Lần 1: 490.000.000 đồng

- Lần 2: 310.000.000 đồng

Thỏa thuận miệng thời hạn vay là 1 tuần không tính lãi. Sau 2 tuần đến ngày 06/7/2022, chị Lan A đã trả cho anh T 200.000.000 đồng và viết giấy biên nhận còn nợ anh T 600.000.000 đồng và hẹn trả nốt vào ngày 25/02/2023. Nhưng do điều kiện kinh tế khó khăn nên chị Lan A chưa có khả năng trả cho anh T được nên chị Lan A vẫn xác nhận vay của anh T thì phải trả anh T, số tiền hiện nay còn nợ là 600.000.000 đồng và chị Lan A xin được trả dần mỗi tháng 30.000.000 đồng cho đến khi hoàn thành khoản nợ.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Chị Đinh Thị Thu P là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và lời khai như đã khai tại Tòa án. Chị P đề nghị Tòa án nhân dân quận B buộc chị Đỗ Lan A phải trả số tiền nợ gốc là 600.000.000 đồng và phải trả tiền lãi theo lãi suất quy định của Ngân hàng nhà nước Việt Nam kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử sơ thẩm là 9%/1 năm.

Anh Trần A là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn và luật sư Nguyễn Thế T tại phiên tòa vẫn xác nhận chị Đỗ Lan A còn nợ anh Phạm Anh T số tiền 600.000.000 đồng, xin được trả dần mỗi tháng 30.000.000 đồng cho đến khi hoàn thành khoản nợ và đề nghị không tính lãi suất như nguyên đơn yêu cầu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận B phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Về tố tụng: Tòa án tiến hành việc giải quyết vụ án theo đúng trình tự tố tụng của pháp luật. Thẩm phán đã xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật, tư cách pháp lý của đương sự, thu thập tài liệu chứng cứ đầy đủ, ra quyết định xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định.

Quá trình giải quyết vụ án đương sự đã thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 BLTTDS.

- Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và căn cứ lời khai của các đương sự xác định: Ngày 21/6/2023 anh Phạm Anh T chuyển khoản cho chị Đỗ Lan A vay số tiền là 800.000.000 đồng, nội dung chuyển khoản là “Phạm Anh T chuyển tiền cho Lan A vay, hạn thứ 2 ngày 27/6/2022 trả lại a.T”. Hai bên thỏa thuận miệng là sẽ trả nợ trong vòng 01 tuần và không tính lãi suất. Đến ngày 26/7/2022, chị Lan A chuyển khoản trả cho anh T số tiền là 200.000.000 đồng và viết giấy biên nhận còn nợ anh T 600.000.000 đồng, hạn trả nốt vào ngày 25/02/2023. Trong quá trình giải quyết án, nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất số tiền vay và thời điểm trả nợ như trên. Như vậy, việc anh Phạm Anh T và chị Đỗ Lan A thực hiện việc vay nhận tiền khi cả hai bên đều đầy đủ năng lực hành vi dân sự, người tham gia giao dịch hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, mục đích và nội dung giao dịch không trái quy định của pháp luật, phù hợp với quy định tại Điều 116, 117, 463 BLDS năm 2015, nên có giá trị thực hiện.

Đến nay, đã quá thời hạn trả nợ theo cam kết nhưng chị Lan A vẫn chưa thanh toán khoản nợ cho anh T. Vì vậy, căn cứ Điều 466 BLDS năm 2015, việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Anh T buộc chị Đỗ Lan A thực hiện nghĩa vụ trả nợ số tiền gốc 600.000.000 đồng và lãi là có căn cứ chấp nhận. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Luật sư Nguyễn Thế T trình bày quan điểm : Về nội dung luật sư thấy đã rõ ràng không bổ sung gì thêm. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tính lãi xuất theo Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân tối cao

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Giao dịch dân sự giữa anh Phạm Anh T và chị Đỗ Lan A là quan hệ tranh chấp đòi tài sản (đòi nợ tiền), hai bên đều thừa nhận quan hệ đòi nợ tiền với số tiền còn nợ là 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng) từ năm 2022. Do tính đến ngày làm đơn khởi kiện đang còn thời hiệu khởi kiện theo Điều 429 của Bộ luật dân sự năm 2015. Vì vậy, xác định nguyên đơn anh Phạm Anh T kiện bị đơn chị Đỗ Lan A đang còn nợ số tiền 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng) chưa trả cho anh T.

Bị đơn là chị Đỗ Lan A tại thời điểm khởi kiện đang cư trú tại Phòng 1503, Tòa chung cư H, số 44 Y, phường T, quận B, thành phố H nên căn cứ vào Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận B, thành phố H.

[2] Về nội dung: Thông qua bạn anh Phạm Anh T là Phạm Gia K, anh T mới biết chị Đỗ Lan A. Chị Lan A hỏi vay anh T 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng) và vay nóng trong khoảng 1 tuần sẽ hoàn trả, do tin tưởng chị Lan A nên ngày 21/6/2022 anh T đã chuyển 2 lần vào tài khoản số 05091988001 tại Ngân hàng T cho chị Lan A vay với số tiền lần 1 là 490.000.000 đồng, lần 2 là 310.000.000 đồng, tổng cộng là 800.000.000 đồng, thời hạn vay thỏa thuận miệng là một tuần và không thỏa thuận mức lãi suất. Sau 2 tuần không thấy chị Lan A trả tiền, anh T đã gọi điện đòi tiền, nhiều lần đến ngày 06/7/2022, chị Lan A đã chuyển khoản trả nợ cho anh số tiền là 200.000.000 đồng và viết giấy biên

nhận còn nợ anh 600.000.000 đồng với hạn trả nốt vào ngày 25/02/2023. Nhưng đến nay, chị Lan A không trả cho anh, anh gọi điện nhưng chị Lan A không nghe máy chỉ thấy toàn trả lời khất lần không trả. Vì chị Lan A không trả đủ số tiền nói trên nên anh T đã khởi kiện yêu cầu chị Lan A phải trả nốt số tiền 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng) và lãi suất theo quy định của ngân hàng Nhà nước Việt Nam kể từ khi thụ lý vụ án. Như vậy, việc kiện đòi lại tài sản của anh T là phù hợp với Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa sơ thẩm, anh Phạm Anh T do chị Đinh Thị Thu P đại diện theo ủy quyền vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết buộc chị Đỗ Lan A phải trả nốt số tiền còn nợ là 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng) và lãi suất theo quy định của ngân hàng Nhà nước Việt Nam kể từ khi thụ lý vụ án là 9%/1 năm. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Đỗ Lan A thừa nhận đã vay số tiền 800.000.000 đồng dưới hình thức chuyển khoản làm 02 lần vào tài khoản số: 05091988001 – Ngân hàng T. Cụ thể :

- Lần 1: 490.000.000 đồng

- Lần 2: 310.000.000 đồng

Hội đồng xét xử xét thấy: Việc giao dịch chuyển 800.000.000 đồng (tám trăm triệu đồng) từ anh Phạm Anh T cho chị Đỗ Lan A đã được các đương sự thống nhất thừa nhận. Tại phiên tòa chị Đinh Thị Thu P là đại diện theo ủy quyền của anh Phạm Anh T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và cũng thừa nhận chị Lan A trả được 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) như người đại diện theo ủy quyền của chị Lan A là anh Trần A khai. Vì vậy, hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Anh T, buộc chị Đỗ Lan A phải trả cho anh T số tiền còn nợ gốc là 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng) và lãi suất theo Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân tối cao là 9%/ năm tính từ ngày thụ lý là ngày 04/7/2023 cho đến khi chị Lan A trả hết nợ

cho anh T. Xét thấy việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi là từ ngày thụ lý là có căn cứ, và phù hợp với pháp luật nên được chấp nhận và lãi suất sẽ được tính từ ngày 04/7/2023 cho đến ngày xét xử là ngày 18/9/2023 là 66 ngày ($600.000.000 \times 9\%/365 \text{ ngày} = 9.764.384$ đồng tiền lãi. Nên buộc chị Đỗ Lan A phải thanh toán trả cho anh Phạm Anh T số tiền gốc và lãi tính đến ngày xét xử là 609.764.384 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của chị Lan A xin thanh toán nợ cho anh T 30.000.000 đồng/ 1 tháng cho đến khi hết nợ.

[3] Về án phí: Áp dụng Điều 144, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc, chị Đỗ Lan A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho anh Phạm Anh T

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào Điều Điều 116, 117, 166, 466, khoản 2 Điều 468, 463 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm trong hợp đồng vay tài sản, lãi suất trung bình trên thị trường; quyết định lãi, lãi suất trong bản án, quyết định của Tòa án.

Nghị quyết 326./2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi tài sản (đòi nợ tiền) của anh Phạm Anh T do chị Đinh Thị Thu P đại diện được ủy quyền đối với chị Đỗ Lan A do anh Trần A đại diện được ủy quyền, buộc chị Đỗ Lan A, phải trả số tiền nợ gốc là

600.000.000 (sáu trăm triệu) đồng và 9.764.384 (chín triệu, bảy trăm, sáu mươi bốn ngàn, ba trăm tám mươi bốn) đồng tiền lãi tính đến ngày 18/9/2023 cho anh Phạm Anh T.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không trả số tiền nợ nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Điều 26 Luật Thi hành án Dân sự:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2014.

2. Về án phí: Buộc chị Đỗ Lan A phải chịu 28.390.575 đồng (hai mươi tám triệu ba trăm chín mươi ngàn, năm trăm bảy lăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại anh Phạm Anh T số tiền tạm ứng án phí là 14.000.000 đồng (mười bốn triệu đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2021/0007976 ngày 03/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận B, thành phố H.

Án xử công khai sơ thẩm. Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND thành phố H;
- VKS nhân dân quận B;
- Đường sự;
- Chi cục THADS quận B;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(ĐÃ KÝ)

NGÔ THỊ VÂN